



CÔNG TY TNHH MTV PHONG PHONG PHÚ

630 Hương Lộ 2 - Bình Trị Đông- Bình Tân - TP. HCM

Tel: (08) 3762.0419 - 0937.582.568 - Fax: (08) 3762.0420 www.phongphongphu.com

BẢNG GIÁ NHÔM THANH TUNGSHIN HỆ S

Áp dụng từ : 31/08/2015

ĐVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn TĐien Màu #265
-------	----------------------	----------------	------	----------	--------------------

CỬA SỔ LÙA HỆ S-500

S5051 Máng trên	70 x 31.6		276	326	265	291
S5052 Máng dưới	70 x 34.2		245	284	233	260
S5053 Đứng KB	72.8 x 22.1		183	212	173	195
S5054 Ngang trên	21.9 x 25.4		131	155	126	141
S5055 Ngang dưới	54 x 21.9		186	214	177	201
S5056 Đứng móc	34.9 x 28.5		166	193	159	179
S5057 Đứng trơn	31.7 x 25.4		147	170	138	151
S5126 Trung gian	31.9 x 21.5		111	128	106	117

CỬA ĐI HỆ S-700

S7001 KB-Ngang	70 x 35		290	336	279	301
S7002 Khung bao	70 x 30		280	323	264	299
S7005 Ghép giữa	70 x 30		356	424	342	383
S7006 Ngang giữa	70 x 30		368	432	351	386
S7008 Ghép giữa	70 x 30		281	327	271	294
S7011 Hộp hai gờ	76.2 x 25.4		293	336	277	309
S7012 Hộp một gờ	76.2 x 25.4		275	318	261	289
S7019 KB - gờ	76.2 x 25.4		209	247	201	222
S7020 KB - gờ	76.2 x 25.4		196	236	189	209
S7051 Trên dưới	75 x 25.4		326	384	310	344
S7052 Đứng trơn	50 x 30		271	308	257	285
S7053 Đứng móc	64 x 35.9		290	336	270	300
S7052(4.8) Đứng trơn	50 x 30		217	252	206	227
S7053(4.8) Đứng móc	64 x 35.9		223	256	211	235
S7052(4.4) Đứng trơn	50 x 30		198	229	189	209
S7053(4.4) Đứng móc	64 x 35.9		205	236	193	215
S7054 Đố giữa	100 x 25.4		390	462	377	411
S7109 Khung bao	70 x 23		214	252	206	225
S9841	24.75 x 14.8		69	80	67	76

MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn TĐien Màu #265
-------	----------------------	----------------	------	----------	--------------------

LAMRI

S4221 Lamri sóng	107.5 x 6.5		129	154	122	140
S4222 Lamri sóng	99.7 x 4.5		112	135	109	124
S4223 Lamri phẳng	104 x 9.4		143	167	138	149
S4332 Lamri hộp	103 x 9.8		231	266	222	244
S5610D Lamri hộp phẳng	107.6 x 10		238	280	230	253

MẶT CẮT THƯỜNG DÙNG

S6101 Hình hộp	25.4 x 25.4		93	110	90	100
S6102 Hình hộp	38.1 x 25.4		119	140	113	126
S6103 Hình hộp	50.8 x 25.4		144	165	134	150
S6105 Hình hộp	19.8 x 12.8		64	71	62	67
S6108 Hình hộp	25 x 12		69	81	66	75
S6109 Hình hộp	50 x 38		189	209	172	191
S6110 Hình hộp	76 x 38		243	287	230	258
S6113 Hình hộp	20 x 20		80	89	78	82
S6116 Hình hộp	15 x 10		50	57	46	53
S1003 Hình hộp	101.6 x 44.5		483	562	476	505
S7013 Hình hộp	76.2 x 25.4		219	254	211	228
S7004 Hình hộp	76 x 44		322	376	311	333

TỦ KÊ

S9753 Cánh trơn	25.8 x 14		78	91	77	84
S9753A Cánh trơn	17.5 x 14		79	91	78	84
S9754 Cánh gờ	25.8 x 14		85	98	82	90
S9754A Cánh gờ	27.5 x 14		86	98	82	90
S9759 Bo hai rãnh	28 x 28		110	127	105	116
S9761 Cánh tủ áo	40 x 18		111	126	106	114
S9761A Cánh tủ áo gờ	40 x 18		114	135	113	122
T9742 Chữ E	21 x 14		82	97	80	86
T9743 Ray tủ	17 x 6.05		95	109	92	101
T9744 Ray tủ C	17 x 6		64	69	58	65
T9745A Kẹp kính	24.7 x 9.95		80	91	77	82



CÔNG TY TNHH MTV PHONG PHONG PHÚ

630 Hương Lộ 2 - Bình Trị Đông- Bình Tân - TP. HCM

Tel: (08) 3762.0419 - 0937.582.568 - Fax: (08) 3762.0420 www.phongphongphu.com

BẢNG GIÁ NHÔM THANH TUNGSHIN HỆ S

Áp dụng từ : 31/08/2015

MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn Điện Màu #265
S3242 Nẹp gài 10li	19.4 x 16.2 	58	66	57	60
S3243 Nẹp gài 10li	33.8 x 17.7 	82	95	80	87
S6001 Hình U	9.5 x 9.5 	26	30	25	27
S6002 Hình U	12.7 x 12.7 	36	41	35	38
S6003 Hình U	7 x 12 	30	34	29	32
S6201 Hình V	12.7 x 12.7 	25	27	24	26
S6202 Hình V	19.1 x 19.1 	37	42	35	38
S6203 Hình V	25.4 x 25.4 	48	56	47	50

DVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn Điện Màu #265
S6308 Ống tròn	Ø8 	24	26	23	25
S6309 Ống tròn	Ø9 	26	30	25	27
S6310 Ống tròn	Ø10 	30	34	29	32
S6312 Ống tròn	Ø12 	35	39	34	37
S6316 Ống tròn	Ø16 	47	55	46	49
S6319 Ống tròn	Ø19 	58	65	56	59
S6801 Trần T	24 x 25 	61	69	59	64
S9742 Chữ E	27.7 x 14 	60	68	58	62



CÔNG TY TNHH MTV PHONG PHONG PHÚ

630 Hương Lộ 2 - Bình Trị Đông- Bình Tân - TP. HCM

Tel: (08) 3762.0419 - 0937.582.568 - Fax: (08) 3762.0420 www.phongphongphu.com

BẢNG GIÁ NHÔM THANH CAO CẤP TUNGSHIN HỆ T

Áp dụng từ : 31/08/2015

ĐVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn TDiện Màu #265
-------	----------------------	----------------	------	----------	--------------------

CỬA SỔ LỪA HỆ T500

T5051 Máng trên	70 x 31.524		334	383	321	349
T5052 Máng dưới	70 x 34.2		300	351	292	318
T5053 Khung bao	72.8 x 22.1		217	253	207	230
T5054 Ngang trên	21.9 x 25.4		162	190	156	174
T5055 Ngang dưới	54 x 21.9		223	258	217	235
T5056 Đứng móc	34.9 x 28.492		198	229	189	208
T5057 Đứng trơn	31.7 x 25.4		173	201	167	185
T5058 Ghép máng	70 x 15.9		147	167	142	153
T5126 Trung gian	31.9 x 21.509		132	156	128	146

CỬA ĐI HỆ T700

T7002 Khung bao	70 x 30		328	381	317	345
T7005 Ghép giữa	70 x 30		429	500	415	457
T7006 Ngang giữa	70 x 30		443	519	431	474
T7008 Ghép giữa	70 x 30		329	383	318	348
T7011 Hộp hai gờ	76.2 x 25.4		351	406	341	371
T7012 Hộp một gờ	76.2 x 25.4		329	383	318	348
T7019 Khung bao gờ	76.2 x 25.4		251	294	244	270
T7051 Trên dưới	75 x 25.4		425	497	408	453
T7052 Đứng trơn 6m	50 x 30		321	374	311	339
T7053 Đứng móc 6m	64 x 35.9		377	439	365	403
T7052 Đứng trơn 4.4m	50 x 30		236	273	227	249
T7053 Đứng móc 4.4m	64 x 35.9		276	322	276	295
T7052 Đứng trơn 4.8m	50 x 30		255	299	247	274
T7053 Đứng móc 4.8m	64 x 35.9		302	351	293	318
T7054 Đố giữa	100 x 25.4		508	590	489	541
T7109 Khung bao	70 x 23		253	294	245	272
Px48 Khung bao	101.6x44.5		427	498	408	453
Px91 Nắp đáy	101.6 x 15		276	308	256	284
Px86 Rây di lừa	76.2 x 17.5		406	477	361	407

MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn TDiện Màu #265
-------	----------------------	----------------	------	----------	--------------------

CỬA ĐI HỆ 700 BẮN LỚN - CỬA ĐI BẮN LỀ SÀN - CỬA ĐI HỆ T1000

T7052A Đứng trơn 6m	100 x 30		599	708	552	647
T7053A Đứng móc 6m	114 x 36		647	783	610	721
T7052A Đứng trơn 4.4m	100 x 30		427	501	384	457
T7053A Đứng móc 4.4m	114 x 36		468	569	438	519
T7052A Đứng trơn 4.8m	100 x 30		454	529	427	485
T7053A Đứng móc 4.8m	114 x 36		495	606	468	551
T1070 Khung bao	101.6 x 44.5		750	904	698	831
T1071 Khung bao	101.6 x 50		873	1.050	838	905
T2840 Bắn lẻ sàn	80 x 38.5		1.031	1.195	986	1.107
T1001 Ngang giữa	101.6 x 44.5		659	762	634	706
T1002 Đứng hông	101.6 x 44.5		630	731	597	670
T1003 Hình hộp	101.6 x 44.5		590	688	568	631
T1009 Đứng hờ	101.6 x 44.5		498	574	474	522
T1010 Hông hờ	101.6 x 44.5		459	537	435	488
T1051 Ngang trên	44.5 x 44.5		387	450	368	413
T1052 Đứng trơn	44.5 x 50.8		396	464	377	420
T1053 Đứng lồng nheo	44.5 x 50.8		416	488	405	447
T1054 Ngang dưới	98.4 x 44.5		636	741	605	679

CỬA ĐI LỪA HỆ T720

T7251 Máng trên	34.2 x 35.2		201	235	193	214
T7252 Ray đòn	43 x 17.8		156	183	150	167
T7253 Đứng khung bao	41 x 38.26		156	183	150	167
T7254 Ngang trên	25.4 x 35		234	268	225	246
T7255 Ngang dưới	70 x 25.4		342	400	333	364
T7256 Đứng móc 6m	28.4 x 36.8		281	331	272	299
T7257 Đứng trơn 6m	51 x 28.4		298	350	290	314
T7256 Đứng móc 4.8m	28.4 x 36.8		233	264	222	244
T7257 Đứng trơn 4.8m	51 x 28.4		242	278	234	255
T7259 Đứng bên	37.7 x 32		230	266	222	245
Px84 Máng trên	76 x 34.8		425	513	394	463
Px83 Máng dưới	76 x 34.2		429	520	402	476
Px85 Đứng hông bao	79.4 x 22		282	344	265	313



CÔNG TY TNHH MTV PHONG PHONG PHÚ

630 Hương Lộ 2 - Bình Trị Đông- Bình Tân - TP. HCM

Tel: (08) 3762.0419 - 0937.582.568 - Fax: (08) 6362.0420 www.phongphongphu.com

BẢNG GIÁ NHÔM THANH CAO CẤP TUNGSHIN HỆ T

Áp dụng từ : 31/08/2015

ĐVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn TĐiễn Màu #265
-------	----------------------	----------------	------	----------	--------------------

CỬA SỔ BẬT HỆ T380 - LÁ SÁCH CỐ ĐỊNH

T3801 Khung bao	39.5 x 38.5		189	224	183	204
T3803 Khung cánh	48 x 33.5		265	307	255	281
T3805 Gài lớn	37.2 x 24.7		128	144	119	132
T3806 Gài nhỏ	19.6 x 15		92	109	89	100
T9901 Lá sách	70 x 30.1		202	236	193	217
T9902 Lá sách	32.4 x 12		89	103	86	93
T9903 Lá sách	27.3 x 8		82	97	80	88
T9905 Lá sách	25 x 41		148	166	141	153
T9908 Lá sách	122 x 77.5		646	754	613	688
T9909 Lá sách	82 x 38		563	655	537	597

T4221 Lamri sóng	107.5 x 6.5		170	197	164	182
T4222 Lamri sóng	99.7 x 4.5		145	166	133	152
T4223 Lamr phẳng	104 x 9.4		184	211	177	193
T4332 Lamri hộp	103 x 9.8		298	344	292	313
T4333 Lamri hộp phẳng	108.1 x 8		434	527	406	482
W5610D Lamri hộp phẳng	107.6 x 10		298	351	292	318
T9841 Nẹp gài 5li	24.75 x 14.8		79	89	76	82
T9842 Nẹp gài 5li	12.5 x 13.8		46	56	45	53
T3242 Nẹp gài 10li	19.4 x 16.2		78	88	71	81
T3243 Nẹp gài 10li	33.8 x 17.7		110	124	104	117
Px97 Nẹp gài	10.5 x 14.8		49	58	46	53
Px98 Nẹp gài	32.6 x 14.8		112	128	108	117
Px96 Nẹp gài H76	31.9 x 20		147	169	142	152
Px95 Nẹp gài H76	60 x 20		204	234	196	209
T5425 Nẹp gài K 25li	23 x 27		206	237	198	215
T6001 Hình U	9.5 x 9.5		34	38	33	36
T6002 Hình U	12.7 x 12.7		45	55	44	48
T6003 Hình U	7 x 12		37	42	36	39
T6201 Hình V	12.7 x 12.7		32	35	30	33
T6202 Hình V	19.1 x 19.1		46	56	45	50
T6203 Hình V	25.4 x 25.4		64	71	60	67
T6204 Hình V	10 x 10		25	29	24	27
T9711 Hộp đèn	130 x 16				255	
T9712 Hộp đèn	126 x 15.6				237	

MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt		Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn Điện Màu #265
T6308 Ổng tròn	Ø8		30	34	27	32
T6309 Ổng tròn	Ø9		37	43	36	41
T6312 Ổng tròn	Ø12		53	57	48	54
T6316 Ổng tròn	Ø16		60	69	58	65
T6325 Ổng tròn	Ø25				104	
T6101 Hình hộp	25.4 x 25.4		118	135	112	124
T6102 Hình hộp	38.1 x 25.4		149	170	143	153
T6103 Hình hộp	50.8 x 25.4		177	207	172	191
T6105 Hình hộp	19.8 x 12.8		74	86	71	79
T6108 Hình hộp	25 x 12		85	99	82	91
Px99 Hình hộp	50 x 30		223	258	212	235
T6109 Hình hộp	50 x 38		239	277	230	249
T6110 Hình hộp	76 x 38		302	351	294	328
T6112 Hình hộp	100 x 25		421	483	401	442
T6114 Hình hộp	38 x 38		177	208	170	193
T6118 Hình hộp	80 x 80		768	887	743	810
T6119 Hình hộp	76 x 76		626	728	596	665
T7004 Hình hộp	76 x 44		403	465	384	426
T7013 Hình hộp	76 x 25		271	317	261	284
T9742 Chữ E	21 x 14		82	97	80	86
T9743 Rây dày	17 x 6.05		95	109	92	101
T9744 Rây mỏng	17 x 6		64	69	58	65
T9745 Kẹp kiếng lớn	28.9 x 10		116	135	110	124
T9745A Kẹp kiếng nhỏ	24.7 x 9.95		80	91	77	82
T9753 Cánh tròn cong	25.8 x 14		95	110	92	104
T9753A Cánh tròn thẳng	27.5 x 14		98	111	95	103
T9754 Cánh gờ cong	25.8 x 14		103	117	99	111
T9754A Cánh gờ thẳng	27.5 x 14		105	122	101	112
T9756 Ngang giữa tủ	37 x 18		145	166	140	152
T9759 Bo 2 rãnh	28 x 28		140	162	135	146
T9760 Bo 1 rãnh	30 x 30		155	175	147	162
T9761 Cánh tròn từ áo	40 x 18		135	156	128	146
T9761A Cánh tròn từ áo	40 x 18		181	203	174	185
T9762 Lá đầu tủ	35 x 25.14		119	140	114	127
T6801 Trần T	24 x 25		65	76	64	68
T9701 Kéo màn	21.4 x 14.55				82	



CÔNG TY TNHH MTV PHONG PHONG PHÚ

630 Hương Lộ 2 - Bình Trị Đông- Bình Tân - TP. HCM

Tel: (08) 3762.0419 - 0937.582.568 - Fax: (08) 3762.0420 www.phongphongphu.com

BẢNG GIÁ NHÔM THANH TUNGSHIN HỆ S

Áp dụng từ : 31/08/2015

ĐVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn TĐien Màu #265
-------	----------------------	----------------	------	----------	--------------------

CỬA SỔ LỪA HỆ S-500

S5051 Máng trên	70 x 31.6		276	326	265	291
S5052 Máng dưới	70 x 34.2		245	284	233	260
S5053 Đứng KB	72.8 x 22.1		183	212	173	195
S5054 Ngang trên	21.9 x 25.4		131	155	126	141
S5055 Ngang dưới	54 x 21.9		186	214	177	201
S5056 Đứng móc	34.9 x 28.5		166	193	159	179
S5057 Đứng trơn	31.7 x 25.4		147	170	138	151
S5126 Trung gian	31.9 x 21.5		111	128	106	117

CỬA ĐI HỆ S-700

S7001 KB-Ngang	70 x 35		290	336	279	301
S7002 Khung bao	70 x 30		280	323	264	299
S7005 Ghép giữa	70 x 30		356	424	342	383
S7006 Ngang giữa	70 x 30		368	432	351	386
S7008 Ghép giữa	70 x 30		281	327	271	294
S7011 Hộp hai gờ	76.2 x 25.4		293	336	277	309
S7012 Hộp một gờ	76.2 x 25.4		275	318	261	289
S7019 KB - gờ	76.2 x 25.4		209	247	201	222
S7020 KB - gờ	76.2 x 25.4		196	236	189	209
S7051 Trên dưới	75 x 25.4		326	384	310	344
S7052 Đứng trơn	50 x 30		271	308	257	285
S7053 Đứng móc	64 x 35.9		290	336	270	300
S7052(4.8) Đứng trơn	50 x 30		217	252	206	227
S7053(4.8) Đứng móc	64 x 35.9		223	256	211	235
S7052(4.4) Đứng trơn	50 x 30		198	229	189	209
S7053(4.4) Đứng móc	64 x 35.9		205	236	193	215
S7054 Đố giữa	100 x 25.4		390	462	377	411
S7109 Khung bao	70 x 23		214	252	206	225
S9841	24.75 x 14.8		69	80	67	76

MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn TĐien Màu #265
-------	----------------------	----------------	------	----------	--------------------

LAMRI

S4221 Lamri sóng	107.5 x 6.5		129	154	122	140
S4222 Lamri sóng	99.7 x 4.5		112	135	109	124
S4223 Lamri phẳng	104 x 9.4		143	167	138	149
S4332 Lamri hộp	103 x 9.8		231	266	222	244
S5610D Lamri hộp phẳng	107.6 x 10		238	280	230	253

MẶT CẮT THƯỜNG DÙNG

S6101 Hình hộp	25.4 x 25.4		93	110	90	100
S6102 Hình hộp	38.1 x 25.4		119	140	113	126
S6103 Hình hộp	50.8 x 25.4		144	165	134	150
S6105 Hình hộp	19.8 x 12.8		64	71	62	67
S6108 Hình hộp	25 x 12		69	81	66	75
S6109 Hình hộp	50 x 38		189	209	172	191
S6110 Hình hộp	76 x 38		243	287	230	258
S6113 Hình hộp	20 x 20		80	89	78	82
S6116 Hình hộp	15 x 10		50	57	46	53
S1003 Hình hộp	101.6 x 44.5		483	562	476	505
S7013 Hình hộp	76.2 x 25.4		219	254	211	228
S7004 Hình hộp	76 x 44		322	376	311	333

TỦ KÊ

S9753 Cánh trơn	25.8 x 14		78	91	77	84
S9753A Cánh trơn	17.5 x 14		79	91	78	84
S9754 Cánh gờ	25.8 x 14		85	98	82	90
S9754A Cánh gờ	27.5 x 14		86	98	82	90
S9759 Bo hai rãnh	28 x 28		110	127	105	116
S9761 Cánh tủ áo	40 x 18		111	126	106	114
S9761A Cánh tủ áo gờ	40 x 18		114	135	113	122
T9742 Chữ E	21 x 14		82	97	80	86
T9743 Ray tủ	17 x 6.05		95	109	92	101
T9744 Ray tủ C	17 x 6		64	69	58	65
T9745A Kẹp kính	24.7 x 9.95		80	91	77	82



CÔNG TY TNHH MTV PHONG PHONG PHÚ

630 Hương Lộ 2 - Bình Trị Đông- Bình Tân - TP. HCM

Tel: (08) 3762.0419 - 0937.582.568 - Fax: (08) 3762.0420 www.phongphongphu.com

BẢNG GIÁ NHÔM THANH CAO CẤP TUNGSHIN HỆTS888 - TS188

Áp dụng từ : 31/08/2015

ĐVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn Điện Màu #265
-------	----------------------	----------------	------	----------	-------------------

HỆ CỬA SỔ LÙA CAO CẤP TS888

T8801 Máng trên	78.5 x 40	545	672	520	549
T8802 Máng dưới	78.5 x 60	734	899	692	739
T8803 Khung bao	80.2 x 35	402	465	378	404
T8805 Máng trên (Trên lùa - Dưới lùa)	78.5 x 100	1.053	1.286	989	1.058
T8805B Máng trên (Trên cố định - dưới lùa)	78.5 x 65	810	990	763	814
T8804 Máng dưới (Trên lùa - dưới cố định)	78.5 x 100	1.208	1.387	1.160	1.258
T8813 Trung gian	48 x 43	450	551	424	453
T8813A Trung gian	48 x 25	305	375	290	307
T8821 Ngang K lưới	52 x 13.7	278	344	261	280
T8822 Đứng K lưới	35 x 16	207	254	196	208
T8823 Ngang giữa lưới	30 x 13.7	186	229	173	187
T8851 Ngang cánh trên	36.9 x 18	239	295	227	242
T8852 N.Cánh dưới nhỏ	50.8 x 21.5	309	378	292	311
T8852A N.Cánh dưới lớn	75.6 x 21.5	414	505	389	418
T8855 Đứng trơn	42.7 x 25	302	371	282	308
T8856 Đứng móc nhỏ	40 x 32.7	326	401	309	329
T8856A Đứng móc lớn	40 x 50.2	471	576	445	477
A8005 Đố giữa cố định	78.5 x 34	686	838	647	691
T8401B K.bao cố định	78.5 x 30	492	606	467	497
SY8593 Thanh ghép	83.4 x 29.7	317	365	305	335

MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn Điện Màu #265
-------	----------------------	----------------	------	----------	-------------------

HỆ CỬA SỔ LÙA CAO CẤP TS188

T8101 Máng trên	98.4 x 40	675	836	646	683
T8102 Máng dưới	98.4 x 55	853	1.057	815	861
T8103 Khung bao	100 x 35	452	558	429	457
T8103A Khung bao	100 x 35	452	558	429	457
T8105 Máng trên (Trên cố định - dưới lùa)	98.4 x 80	1.089	1.342	1.036	1.097
T8113 Trung gian	50 x 53	615	761	588	621
T8114 Đứng K lưới	50 x 16	248	305	236	249
T8106 Ngang cánh trên	50 x 18	313	384	296	314
T8108 N.Cánh dưới nhỏ	67.8 x 21.5	363	445	344	366
T8109 N.Cánh dưới lớn	92.6 x 21.5	479	591	458	482
T8110 Đứng trơn	57 x 25	353	437	338	357
T8111 Đứng móc nhỏ	50 x 32.8	374	463	357	378
T8112 Đứng móc lớn	60.7 x 50	605	748	578	610
T5405C Đố giữa cố định	97 x 40	759	943	726	769
T5401B K.bao cố định	97 x 34.5	595	737	568	601
T1012 Ghép khung bao (10cm)	105.2 x 30	435	509	416	442
T1013 Ghép K.bao 90o (10cm)	106 x 106	1.612	1.880	1.504	1.638
T1015 Ghép K.bao 135o (8cm)		721	845	694	734
T1016 Ghép K.bao 135o (10cm)		853	1.002	798	903

CHUYÊN BÁN MÁY CẮT, MÁY DẬP CỬA NHÔM

7 NHẬN GIA CÔNG, CẮT, DẬP CỬA LÙA HỆ TS888, TS188



CÔNG TY TNHH MTV PHONG PHONG PHÚ

630 Hương Lộ 2 - Bình Trị Đông- Bình Tân - TP. HCM

Tel: (08) 3762.0419 - 0937.582.568 - Fax: (08) 3762.0420 www.phongphongphu.com

BẢNG GIÁ NHÔM THANH CAO CẤP TUNGSHIN HỆ TS1068 - 1040A

Áp dụng từ : 31/08/2015

ĐVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn Điện
T5401C	100 x 40	857	1.040	811	875
T5405F	97 x 100	1.244	1.513	1.180	1.273
T5402C	97 x 65	1.180	1.431	1.116	1.204
T5401B	97 x 34,4	595	737	568	601
T5403	100,2 x 35	653	792	617	667
T5405C	97 x 40	759	943	726	769
T5401	100 x 40	713	866	674	728
T5402	97 x 65	1.092	1.325	1.033	1.113
T5405B	97 x 100	1.304	1.584	1.237	1.332
T5410C	57 x 23,8	375	456	354	383
T5410F	59,5 x 23,8	394	479	374	403
T5411D	55 x 29,8	418	508	395	427
T5411F	55 x 29,8	444	540	422	454
T5412D	55 x 55	660	801	626	673
T5413D	55 x 49	642	779	608	655
T5413E	55 x 23,8	403	489	382	412

MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn Điện
T5406	45 x 20	344	419	327	352
T5407	45 x 20	318	385	300	326
T5408	50 x 21,9	334	405	316	340
T5409	66,5 x 21,9	398	483	377	406
T5414	42 x 16	248	298	234	252
T5416A	45 x 14,9	273	332	258	279
T5418	45 x 13,8	257	313	244	263
T5417A	74 x 13,8	389	475	370	398
T5418A	45 x 13,8	285	347	270	292
T5424	15 x 19,5	124	151	117	126
T5426	9,8 x 8,5	78	95	72	80
T5427	5,6 x 23,5	99	120	95	103
T5428	8,4 x 25	93	113	88	95
T5429	28,5 x 19,5	209	255	200	214
T5430	20 x 6,8	81	99	77	84
T5431	21 x 23,1	204	249	193	208
T5432	8 x 25,3	154	189	147	159
T5433	10,8 x 25	113	138	108	114

HÀNG CÔNG TRÌNH

- Đặt hàng
- Kích thước 6m đặt hàng trên 20 thanh, kích thước khác đặt hàng trên 50 thanh
- Dưới số lượng quy định cộng thêm phần trăm



CÔNG TY TNHH MTV PHONG PHONG PHÚ

630 Hương Lộ 2 - Bình Trị Đông- Bình Tân - TP. HCM

Tel: (08) 3762.0419 - 0937.582.568 - Fax: (08) 3762.0420 www.phongphongphu.com

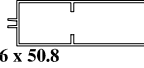
BẢNG GIÁ NHÔM THANH CAO CẤP TUNGSHIN HỆ MẶT DỪNG- VÁCH NGẮN

Áp dụng từ : 31/08/2015

ĐVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn Điện Màu #265
-------	----------------------	----------------	------	----------	-------------------

HỆ MẶT DỪNG TS1600

T1601	 160.6 x 50.8	2.230	2.758	2.123	2.276
T1602	 74 x 50.8	1.189	1.471	1.133	1.212
T1603	 108 x 50.8	1.502	1.859	1.430	1.532
T1604	 83.3 x 50.8	1.187	1.470	1.120	1.210
T1621	 131.6 x 70	2.510	2.943	2.386	2.586
T1622	 128 x 63	1.973	2.312	1.872	2.015
T1623	 100 x 50.8	1.158	1.383	1.119	1.190
T1624	 121.9 x 50.8	1.449	1.700	1.390	1.486
T1606	 37 x 32	349	432	336	356
T1607	 65.6 x 33.7	551	679	523	561
T1608	 86.4 x 44.6	1.996	2.466	1.899	2.035
T1608A	 67.7 x 45.8	1.683	2.082	1.602	1.718
T1609	 49.2 x 9.6	297	368	282	301
T1610	 50.8 x 25.4	259	322	247	264
T1609A	 47.6 x 17.3	327	406	311	336
T1610A	 50.8 x 20	229	282	218	234
T1611	 49.6 x 8	129	161	123	132
T1610B	 50.8 x 25.4	301	375	290	309
T1619	 70 x 30	426	523	405	442
T1620	 68.4 x 18.1	633	777	608	650
T1616	 26 x 22.5	138	159	133	146

MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn Điện Màu #265
-------	----------------------	----------------	------	----------	-------------------

HỆ VÁCH NGẮN TS1050 - TS1050G

T1101	 101.6 x 30	616	761	588	630
T1102	 101.6 x 44.5	633	780	602	646
T1103	 43.7 x 18.6	204	253	193	207
T1104	 20.3 x 33.85	166	206	159	169
T1105	 20.3 x 5.9	70	90	69	71
T1106	 101.6 x 44.5	1.008	1.243	960	1.030
T1107	 101.6 x 44.5	1.129	1.394	1.073	1.151
T1101B	 101.6 x 44.5	760	938	722	779
T1102B	 101.6 x 70	1.076	1.306	1.037	1.109
T1103A	 43.7 x 18.3	204	253	193	207
T1103B	 35.3 x 14.9	150	185	144	155
T1106A	 101.6 x 100	1.378	1.696	1.315	1.424
T1101G	 100 x 44.5	758	921	719	781
T1102G	 100 x 44.5	638	782	612	660
T1103G	 43.7 x 18.3	203	251	193	210
T1104A	 18.1 x 26.95	190	233	182	197
T1105G	 20.3 x 5.9	70	87	67	72
T1106G	 100 x 44.5	996	1.217	960	1.032
T1107G	 100 x 44.5	1.221	1.491	1.173	1.257
T1101A	 100 x 40	688	839	662	708
T1106AG	 100 x 80	1.139	1.395	1.101	1.175
T1013G	 100 x 100	1.349	1.651	1.298	1.385
T1110G	 87.8 x 23.1	573	693	548	589

HÀNG CÔNG TRÌNH

- Đặt hàng
- Kích thước 6m đặt hàng trên 20 thanh, kích thước khác đặt hàng trên 50 thanh
- Dưới số lượng quy định cộng thêm phần trăm



CÔNG TY TNHH MTV PHONG PHONG PHÚ

630 Hương Lộ 2 - Bình Trị Đông- Bình Tân - TP. HCM

Tel: (08) 3762.0419 - 0937.582.568 - Fax: (08) 3762.0420 www.phongphongphu.com

BẢNG GIÁ NHÔM THANH CAO CẤP TUNGSHIN HỆ CỬA ĐI

Áp dụng từ : 31/08/2015

ĐVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

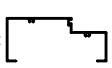
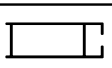
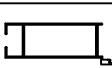
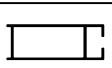
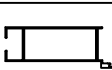
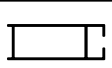
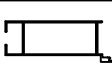
MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn Điện Màu #265
-------	----------------------	----------------	------	----------	-------------------

HỆ CỬA ĐI - CỬA ĐI LÙA TS1000

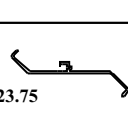
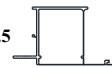
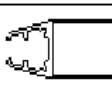
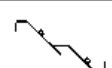
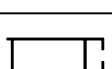
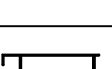
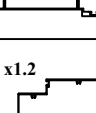
A1005	101.6 x 112.7 	1.350	1.640	1.274	1.378
A1116	100 x 100 	1.299	1.578	1.226	1.327
A1006	50 x 61.3 	329	398	310	337
A1003A	101.6 x 44.5 	977	1.188	923	996
A1001A	101.6 x 44.5 	1.064	1.290	1.004	1.084
A1002A	101.6 x 44.5 	1.017	1.239	963	1.040
A1009A	101.6 x 44.5 	771	935	727	785
T1001A	101.6 x 44.5 	887	1.100	842	906
T1002A	101.6 x 44.5 	849	1.053	810	867
T1009A	101.6 x 44.5 	636	783	605	649
A1055	60 x 51 	632	778	601	645
A1065	91.5 x 51 	816	1.013	779	833
A1061	76 x 44.5 	727	901	693	741
A1062	76 x 44.5 	710	877	674	725
A1063	76 x 44.5 	734	906	699	750
A1063B	76 x 44.5 	737	915	702	753
A1111	101.6 x 44.5 	835	1.031	793	851
A1112	101.6 x 45 	938	1.155	890	954
A1113	101.6 x 44.5 	663	832	646	691
A1115	100 x 80 	1.371	1.696	1.304	1.398
A1115A	101.6 x 45 	1.148	1.420	1.093	1.170
A1004	35.4 x 31.2 	553	636	531	578
T134	24 x 27 	366	450	353	382

MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn Điện Màu #265
-------	----------------------	----------------	------	----------	-------------------

HỆ CỬA ĐI TS700 BẢN LỚN

PX127	101.6x44.5 (Dày 1,4 ly) 	712	800	688	736
A7052A	Đứng trơn 4.4m 100 x 30 (Dày 1,4 ly) 	575	644	552	594
A7053A	Đứng móc 4.4m 114 x 36 (Dày 1,4 ly) 	616	686	587	641
A7052A	Đứng trơn 4.8m 100 x 30 (Dày 1,4 ly) 	617	706	594	648
A7053A	Đứng móc 4.8m 114 x 36 (Dày 1,4 ly) 	670	753	648	698
A7052A	Đứng trơn 6m 100 x 30 (Dày 1,4 ly) 	784	884	754	811
A7053A	Đứng trơn 6m 114 x 36 (Dày 1,4 ly) 	848	954	803	873

CÁC MẶT HÀNG MỚI

PX125	105 x 105 	1.073	1.201	1.037	1.104
PX133	50 x 50 	389	475	370	398
PX107	Lá sách 1 lỗ vít 58.3 x 23.75 	148	177	143	153
PX128	69.3 x 38.5 	500	560	483	514
PX90	Bản lề sàn 86 x 38.4 	1.123	1.271	1.082	1.096
PX92	52.3 x 39.2 	357	404	331	364
PX93	T.gian cửa đi lùa 34.2 x 26.3 	195	236	180	209
PX94	Lá sách chữ Z 102 x 58 	313	369	293	312
PX72	100 x 34 	705	858	678	721
PX73	114 x 40 	775	940	735	789
PX74	101.6 x 44.5 x 1.2 	532	611	513	558

HÀNG CÔNG TRÌNH

- Đặt hàng, Kích thước 6m đặt hàng trên 20 thanh, kích thước khác đặt hàng trên 50 thanh
- Dưới số lượng quy định cộng thêm phần trăm



CÔNG TY TNHH MTV PHONG PHONG PHÚ

630 Hương Lộ 2 - Bình Trị Đông- Bình Tân - TP. HCM

Tel: (08) 3762.0419 - 0937.582.568 - Fax: (08) 3762.0420 www.phongphongphu.com

BẢNG GIÁ NHÔM THANH TUNGSHIN HỆ CAO CẤP

Áp dụng từ : 31/08/2015

DVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

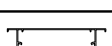
MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn Điện Màu #265
-------	----------------------	----------------	------	----------	-------------------

HỆ CỬA ĐI TS1100

T1201	100 x 45 	872	1.076	831	887
T1201A	100 x 45 	678	831	645	697
T1202	100 x 54.5 	984	1.214	936	1.004
T1210	100 x 45 	996	1.231	947	1.016
T1251	123.5 x 37 	879	1.089	836	897
T1252	125 x 40 	987	1.222	940	1.007
T1253	125 x 47.1 	1.053	1.298	1.004	1.074
T1252 (4.4)	125 x 40 	725	896	689	740
T1253 (4.4)	125 x 47.1 	773	951	736	786
T1252 (4.8)	125 x 40 	791	979	752	807
T1253 (4.8)	125 x 47.1 	841	1.040	802	860
T1254	45 x 37 	408	503	386	416
T1255	75 x 37 	576	712	550	588
T1203	36.7 x 20.7 	204	249	193	206
T1201B	37 x 30 	270	331	255	276
T1204	36.7 x 28.4 	285	349	271	292
T1205	37.2 x 28.4 	279	345	265	285
T1205A	37 x 28.5 	265	329	252	272
T1206	41.1 x 45 	572	706	545	583
T1207	33.7 x 55.5 	509	629	484	520
T1208	40 x 15 	177	222	171	181
T1209	200 x 17.5 	1.258	1.558	1.197	1.282

MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn Điện Màu #265
-------	----------------------	----------------	------	----------	-------------------

HỆ CỬA ĐI TS1300

T1301	100 x 43.5 	799	981	759	821
T1301A	100 x 43.5 	741	910	700	757
T1301B	100 x 40 	757	929	717	773
T1303	70.5 x 21.2 	234	285	223	243
T1305	100 x 68.5 	912	1.118	874	933
T1305B	100 x 30 	964	1.179	927	986
T1351	110 x 37 	764	946	728	779
T1351A	90 x 37 	668	827	635	683
T1352	80 x 40 	632	779	601	645
T1353	80 x 47.1 	721	890	689	734
T1352 (4.4)	80 x 40 	464	571	441	471
T1353 (4.4)	80 x 47.1 	529	654	503	539
T1352 (4.8)	80 x 40 	505	624	480	517
T1353 (4.8)	80 x 47.1 	576	712	550	588
T1354	45 x 37 	375	463	356	382

HÀNG CÔNG TRÌNH

- Đặt hàng
- Kích thước 6m đặt hàng trên 20 thanh, kích thước khác đặt hàng trên 50 thanh
- Dưới số lượng quy định cộng thêm phần trăm



CÔNG TY TNHH MTV PHONG PHONG PHÚ

630 Hương Lộ 2 - Bình Trị Đông- Bình Tân - TP. HCM

Tel: (08) 3762.0419 - 0937.582.568 - Fax: (08) 3762.0420 www.phongphongphu.com

BẢNG GIÁ NHÔM THANH TUNGSHIN HỆ CAO CẤP

Áp dụng từ : 31/08/2015

DVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

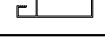
MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn Điện Màu #265
-------	----------------------	----------------	------	----------	-------------------

HỆ CỬA ĐI TS760 - TS1076 - TS1070 - TS1070G

A7601A	76.2 x 38 	560	694	532	572
A7601	76.2 x 38 	583	720	557	596
A7602	76.2 x 38 	507	625	482	518
A7603	32.1 x 18.2 	172	211	166	177
A7604	17 x 26.3 	164	205	159	167
A7605	58 x 16 	239	295	227	245
A7606	76.2 x 38 	783	971	747	798
A7607	58 x 17 	239	295	227	245
A7651B	82 x 32 	671	834	645	686
A7652	60 x 34 	520	643	492	530
A7653	72.8 x 37.5 	576	713	550	588
A7652 (4.4)	60 x 34 	381	469	360	387
A7653 (4.4)	72.8 x 37.5 	424	523	403	431
A7652 (4.8)	60 x 34 	414	515	393	424
A7653 (4.8)	72.8 x 37.5 	461	571	439	460
A7654	110 x 30 	729	901	693	743
A7655	120 x 30 	889	1.105	849	908
T7651	100 x 30 	562	694	537	574
T7652	60 x 34 	402	500	383	408
T7653	72.8 x 37.5 	447	555	427	458
T7652 (4.4)	60 x 34 	294	366	281	299
T7653 (4.4)	72.8 x 37.5 	329	407	314	336
T7652 (4.8)	60 x 34 	321	398	308	327
T7653 (4.8)	72.8 x 37.5 	358	443	340	368
T7654	110 x 30 	565	698	537	578

MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn Điện Màu #265
T7611	12.8 x 16 	80	100	78	81
A7611	12.8 x 16 	112	137	107	113
T7656	25.8 x 17.8 	155	191	147	159
T1076	101.6 x 44.5 	746	897	717	780
T1077	101.6 x 50 	875	1.053	840	916
T1071A	100 x 44.5 	729	906	699	750
T1072	100 x 44.5 	856	1.055	822	879
T1073	100 x 44.5 	660	813	636	686
T1072A	100 x 44.5 	996	1.231	947	1.024

HỆ CỬA SỔ LÙA T720

T7201	48 x 25.7 	294	354	277	298
T7202	37.5 x 32.7 	316	384	298	322
T7203	50 x 22.7 	347	424	327	353
T7204	50 x 22.7 	281	340	264	286
T7205	70 x 31.6 	406	489	382	414
T7206	70 x 34.2 	321	390	301	327
T7207	70 x 22.1 	274	332	258	281
T7208	35.1 x 21 	175	211	168	180
T7208A	35.6 x 25.4 	209	254	198	214
T7209	22.4 x 10.9 	106	127	100	108
T9101	63.5 x 32 	401	486	378	407
T9104	76 x 28.5 	425	516	402	432
T9108		245	296	231	249

HÀNG CÔNG TRÌNH

- Đặt hàng
- Kích thước 6m đặt hàng trên 20 thanh, kích thước khác đặt hàng trên 50 thanh
- Dưới số lượng quy định cộng thêm phần trăm



CÔNG TY TNHH MTV PHONG PHONG PHÚ

630 Hương Lộ 2 - Bình Trị Đông- Bình Tân - TP. HCM

Tel: (08) 3762.0419 - 0937.582.568 - Fax: (08) 3762.0420 www.phongphongphu.com

BẢNG GIÁ NHÔM THANH TUNGSHIN HỆ CAO CẤP

Áp dụng từ : 31/08/2015

DVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn Điện Màu #265
-------	----------------------	----------------	------	----------	-------------------

MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn Điện Màu #265
-------	----------------------	----------------	------	----------	-------------------

HỆ CỬA SỔ BẬT TS380

A3804	70 x 30 	470	571	444	480
AA3808	69.7 x 29.8 	392	460	357	402
A3809	70 x 30 	754	916	710	769
A3801A	39.5 x 38.5 	347	422	327	352
A3802	66.5 x 38.5 	467	569	442	477
AA3810	66.5 x 38.9 	687	833	648	700
T3807	39.7 x 39.7 	1.068	1.295	1.007	1.090

HỆ CỬA SỔ BẬT TS838 - TS1038 - TS1038A

T8301	80 x 35 	578	713	550	589
T8302	80 x 35 	903	1.110	857	922
T8309	80 x 60 	931	1.153	887	951
T8310	80 x 60 	1.057	1.308	1.006	1.077
T5301	100 x 35 	721	890	689	734
T5301A	100 x 61.5 	1.050	1.296	998	1.070
T5302	100 x 35 	1.023	1.265	974	1.043
T5303	38 x 69 	567	700	540	578
T5303A	38 x 69 	550	679	524	561
T5304	67.8 x 58.4 	447	555	428	458
T5305	36 x 24.5 	166	206	159	169
T5305A	36 x 24.3 	167	207	161	170
T5306	65 x 65 	1.038	1.281	986	1.059

HỆ CỬA SỔ BẬT TS1088

T5501	100 x 55 	839	1.031	802	859
T5502	100 x 66 	1.071	1.305	1.023	1.108
T5502A	100 x 64 	1.004	1.222	958	1.036
T5503	100 x 44.5 	763	927	729	786
T5505	100 x 46 	1.134	1.384	1.080	1.156
T5505A	100 x 100 	1.597	1.935	1.516	1.630
T5505B	100 x 75.2 	1.510	1.842	1.447	1.560
T5504	33.1 x 68.2 	550	674	524	568
T5507	60 x 36.3 	521	632	495	537
T5508	42.5 x 40.5 	341	416	329	352
T5509	32.8 x 22.5 	143	173	137	148
T5510	31.6 x 16.7 	125	152	119	129
T5501B	40 x 15 	353	428	339	363
T5501G	40 x 15 	313	379	299	321
T5502B	40 x 15 	410	498	392	423
T5502G	40 x 15 	410	498	392	423
T5503G	40 x 15 	279	339	268	289

HÀNG CÔNG TRÌNH

- Đặt hàng
- Kích thước 6m đặt hàng trên 20 thanh, kích thước khác đặt hàng trên 50 thanh
- Dưới số lượng quy định cộng thêm phần trăm



CÔNG TY TNHH MTV PHONG PHONG PHÚ

630 Hương Lộ 2 - Bình Trị Đông- Bình Tân - TP. HCM

Tel: (08) 3762.0419 - 0937.582.568 - Fax: (08) 3762.0420 www.phongphongphu.com

BẢNG GIÁ NHÔM THANH TUNGSHIN HỆ CAO CẤP

Áp dụng từ : 31/08/2015

ĐVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

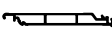
MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn Điện
-------	----------------------	----------------	------	----------	----------

MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn Điện
-------	----------------------	----------------	------	----------	----------

HỆ LÁ SÁCH BẬT - CỐ ĐỊNH F200

F201	80 x 35 	604	744	573	614
F201A	80 x 35 	699	865	666	712
F202	80 x 46 	522	649	499	533
F203	80 x 35 	438	539	418	445
F203A	80 x 35 	474	587	454	482
F205	59 x 20 	193	240	185	197
F205A	38 x 10 	112	140	108	116
F206	56 x 20 	239	295	227	245
F207	56 x 26 	222	274	211	226
F208A	93 x 57 	364	452	347	370
F209	101 x 8 	243	299	231	248
F210	19 x 19 	169	206	159	171
F211	-	80	97	79	81
F217	56 x 35 	260	322	248	263
F217A	35 x 52 	209	257	200	216
F370	27.7 x 48.3 	413	511	394	419
F371	76.6 x 31.6 	605	747	575	610
CA104C	18.2 x 10.4 	67	83	65	69

HỆ LÁ SÁCH ĐIỀU CHỈNH TS660

T6601	83.6 x 42.4 	520	643	492	525
T6601A	57.4 x 42.4 	438	548	423	442
T6603	85.2 x 60.7 	610	757	581	615
T6603A	60.7 x 60.2 	560	694	531	567
T6605	75.9 x 60.2 	632	778	601	638
T6606	20.8 x 18.8 	173	214	167	177
T6607	122.4 x 12.3 	450	559	429	454
T6607A	145 x 7 	458	562	433	463
T6608	65 x 17 	371	452	355	376
T6610	65 x 17 	385	468	370	390
T6614	30.4 x 10.4 	169	207	163	172

HÀNG CÔNG TRÌNH

- Đặt hàng

- Kích thước 6m đặt hàng trên 20 thanh, kích thước khác đặt hàng trên 50 thanh

- Dưới số lượng quy định cộng thêm phần trăm



CÔNG TY TNHH MTV PHONG PHONG PHÚ

630 Hương Lộ 2 - Bình Trị Đông- Bình Tân - TP. HCM

Tel: (08) 3762.0419 - 0937.582.568 - Fax: (08) 3762.0420 www.phongphongphu.com

BẢNG GIÁ NHÔM THANH TUNGSHIN HỆ A

Áp dụng từ: 31/08/2015

DVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn TDiện Màu #265
-------	----------------------	----------------	------	----------	--------------------

HỆ CỬA SỔ LÙA A500

A5051 Máng trên	70 x 31.6		446	527	427	488
A5052 Máng dưới	70 x 34.2		386	452	365	419
A5053 Khung bao	72.8 x 22.1		301	351	287	327
A5054 Ngang trên	21.9 x 25.4		238	279	226	258
A5055 Ngang dưới	54 x 21.9		339	394	318	365
A5056 Đứng móc	34.9 x 28.5		310	363	295	336
A5057 Đứng trơn	31.7 x 25.4		277	323	264	299
A5126 Trung gian	31.9 x 21.5		175	207	169	192
T5005	70 x 60		610	701	587	634

HỆ A1000 & CÁC LOẠI NẠP GÀI CAO CẤP

A1001 Ngang giữa	101.6 x 44.5		888	1.020	855	921
A1002 Đứng hông	101.6 x 44.5		849	974	816	878
A1003 Hình hộp	101.6 x 44.5		810	928	777	837
A1009 Đứng hờ	101.6 x 44.5		668	769	644	693
A1010 Hông hờ	101.6 x 44.5		630	723	605	652
A1054 Ngang dưới	98.4 x 44.5		832	952	798	861
T7014 Nạp gài	31.8 x 25		187	214	180	193
T7015 Nạp gài	25 x 18.9		113	131	109	117
T4406 Nạp gài	32.5 x 14.2		118	135	113	124
T4407 Nạp gài	12.7 x 14.2		70	82	68	74
T4408 Nạp gài	29.8 x 14.3		92	108	89	97
T4409 Nạp gài	13.6 x 14.3		59	68	57	62
T4410 Nạp gài	38 x 14.8		127	148	122	131
T4411 Nạp gài	12.2 x 14.8		64	70	62	66
I006 Nạp gài	39.7 x 15.2		87	99	79	89
I007 Nạp gài	14.5 x 15.2		56	65	54	58
I0210 Nạp gài	20 x 14.8		49	56	46	50
I0212 Nạp gài	13.72 x 15.5		59	68	57	62

MÃ SỐ	Kích Thước & Mặt Cắt	Trắng, Nâu Xám	Vàng	Trắng mờ	Sơn TDiện Màu #265
-------	----------------------	----------------	------	----------	--------------------

HỆ CỬA ĐI A700

T7001 Khung bao	70 x 35		400	459	383	413
A7002 Khung bao	70 x 30		377	442	359	410
A7005 Ghép giữa	70 x 30		589	691	562	641
A7006 Ngang giữa	70 x 30		600	706	575	653
A7051 Trên dưới	75 x 25.4		551	645	530	597
A7052 Đứng trơn 6m	50 x 30		437	511	412	470
A7053 Đứng móc 6m	64 x 35.9		489	572	464	530
A7052 Đứng trơn 4.4m	50 x 30		337	390	314	360
A7053 Đứng móc 4.4m	64 x 35.9		374	435	353	404
A7052 Đứng trơn 4.8m	50 x 30		350	406	329	376
A7053 Đứng móc 4.8m	64 x 35.9		390	459	372	424
A7054 Đổ giữa	100 x 25.4		681	798	646	738
A7109 Khung bao	70 x 23		330	384	314	355
A4332 Lamri hộp	103 x 9.8		434	500	418	452
T7055 Nạp chia ô	24.09 x 17		168	193	159	174
T7056 Ngang chia ô	45 x 25		361	413	349	374
T7057 Nạp chia ô	22 x 25		305	350	294	317
A7013 Hình hộp	76 x 25		411	482	385	446
AA7013 Hình hộp	76 x 25		447	516	431	465
A7004 Hình hộp	76 x 44		511	599	482	553
A7011 Hộp 2 gờ	25.4 x 76.2		482	568	464	525
A7012 Hộp 1 gờ	25.4 x 76.2		457	531	429	492
A7019 Khung bao gờ	25.4 x 76.2		350	406	327	376
7016-3 Khung bao	80 x 30		553	635	531	572
7017-3 Ghép giữa	80 x 30		835	951	804	863
F216	53.8 x 53.8		375	429	359	386

HÀNG CÔNG TRÌNH

- Đặt hàng
- Kích thước 6m đặt hàng trên 20 thanh, kích thước khác đặt hàng trên 50 thanh
- Dưới số lượng quy định cộng thêm phần trăm